

LA, KCN, TH
UBND (p)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 133 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 01 tháng 02 năm 2013

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BẮC GIANG

QUYẾT ĐỊNH

ĐẾN

Số: 739
Ngày: 4/2/13

V/v Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch
Khu công nghiệp Vân Trung, tỉnh Bắc Giang

Chuyên:.....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20/11/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế;

Xét đề nghị của Công ty TNHH FUGIANG tại Tờ trình số 070113CVLD-FUG ngày 21/01/2013; Sở Xây dựng tại Công văn số 88/SXD-QHĐT ngày 30 tháng 01 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Khu công nghiệp Vân Trung, tỉnh Bắc Giang, với nội dung sau:

1. Nội dung điều chỉnh:

- Chuyển chức năng sử dụng đất của các lô đất HT-01 và CXMN-09 sang một phần trong diện tích của lô đất CN-01; điều chỉnh lô đất HT-01 và CXMN-09 thành đất công nghiệp để tạo cảnh quan lối vào chính, đầu nối hạ tầng kỹ thuật.

- Bổ sung tuyến đường qua hai lô đất CN01 và CN02 để phù hợp với việc bố trí hạ tầng kỹ thuật và nhu cầu đầu tư của các nhà đầu tư thứ cấp.

2. Bảng cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Theo QĐ phê duyệt số 1109/QĐ-UBND, ngày 12/8/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang		Sau khi Điều chỉnh Quy hoạch	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Tổng diện tích khu đất nghiên cứu quy hoạch	425,46		425,46	
	Đất dự trữ phát triển KCN	58,76		58,76	
II	Khu nhà ở công nhân	16,40		16,40	
III	Diện tích đất quy hoạch khu công nghiệp	350,30	100	350,30	100

1	Đất nhà xưởng công nghiệp	227,31	64,89	226,65	64,70
2	Đất trung tâm điều hành KCN, kho tàng	18,10	5,17	18,10	5,17
3	Đất công trình đầu mỗi hạ tầng kỹ thuật	11,19	3,19	9,14	2,61
4	Đất cây xanh, mặt nước	45,83	13,08	45,35	12,95
5	Đất giao thông	47,87	13,67	51,06	14,58

3. Điều chỉnh hạ tầng kỹ thuật:

a) **Quy hoạch giao thông:** Bổ sung tuyến đường giao thông qua hai lô đất CN01 và CN02 có mặt cắt (3-3) rộng 25,0m, trong đó: Lòng đường là 15,0m, vỉa hè 2 bên rộng $2 \times 5,0 = 10,0\text{m}$.

b) **Quy hoạch thoát nước:**

* **Thoát nước mưa:**

- Hệ thống thoát nước mưa được điều chỉnh cục bộ theo vị trí, chức năng sử dụng đất của lô đất HT-01, CXMN-09 và CN 14;

- Công thoát nước sử dụng cống tròn BTCT có từ D600 đến D1500, công hộp (2,0x1,5).

* **Thoát nước thải:**

- Hệ thống thoát nước thải được điều chỉnh cục bộ theo vị trí, chức năng sử dụng đất của lô đất HT-01, CXMN-09 và CN 14;

- Cống thoát nước thải sử dụng cống BTCT từ D300 đến D600.

4. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 12/8/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Công ty TNHH FUGIANG có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban Quản lý các KCN tỉnh, Công ty TNHH FUGIANG và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: **N**

- Như điều 3;
- Lưu: VT, CN.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PTC UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
- + LĐVP, TH, TKCT,
- + TPKT, XD, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Thành Sơn